TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/3/2023.
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Luân

Bà Trần Thị Thanh Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thu Đ, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: thôn x, xã G, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: anh Đỗ Văn T, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(chị Đ có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Đ trình bày: chị và anh Đỗ Văn T xây dựng gia đình với nhau vào tháng 12/2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/12/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu, không chịu làm ăn, khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện nhưng anh T không thay đổi, bên cạnh đó do gia đình chồng còn mê tín nên chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 8 năm 2019 và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị Đ yêu cầu được ly hôn. Về con chung: chị Đ xác định vợ chồng có một con chung là Đỗ Nguyễn Kim T, sinh ngày 12/8/2015. Khi ly hôn chị Đ đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị Đ xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra chị Đ không còn yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày: anh và chị Đ kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do gia đình anh còn mê tín nên chị Đ không đồng ý và bỏ nhà đi nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh đã nhiều lần nói chuyện để chị Đ quay về nhưng chị Đ không đồng ý, nay chị Đ làm đơn ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn. Về con chung: anh T xác định vợ chồng có một con chung là Đỗ Nguyễn Kim T, sinh ngày 12/8/2015. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho vợ nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: anh T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra anh T không còn yêu cầu gì khác.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình còn anh T vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên việc hòa giải không tiến hành được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Đ. Về con chung: giao con chung là Đỗ Nguyễn Kim T, sinh ngày 12/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, về cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí, buộc chị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Đ và anh T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 30/12/2014. Việc đăng ký kết hôn không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên chị Đ làm đơn khởi kiện ly hôn. Tại phiên tòa, chị Đ xác định vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, chị Đ giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Còn anh T vắng mặt, tại biên bản lấy lời khai anh T xác định mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị Đ làm đơn ly hôn thì anh không đồng ý, anh T muốn chị Đ tạo cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, anh T không đồng ý ly hôn nhưng thực tế, anh T không có hành động tích cực nào nhằm cải thiện quan hệ tình cảm vợ chồng của hai anh chị, cụ thể là từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tiến hành hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Hơn nữa thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được do mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đ, xử cho chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Đỗ Văn T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: chị Đ và anh T có một con chung là Đỗ Nguyễn Kim T, sinh ngày 12/8/2015. Khi ly hôn chị Đ yêu cầu được nuôi con. Xét Thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Tuyến vẫn do chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện nay cháu Tuyến đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ, hơn nữa cháu Tuyến là con gái cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện học tập và sinh hoạt ổn định cho cháu Tuyến, căn cứ khoản 3 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình, giao con cho chị Đ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng,

giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị Đ và anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thu Đ phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu Đ, xử cho chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Đỗ Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: giao con là Đỗ Nguyễn Kim T, sinh ngày 12/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu Đ có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Thu Đ phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thu Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010742 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị Nguyễn Thị Thu Đ đã nộp đủ án phí.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Chị Nguyễn Thị Thu Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/3/2023). Riêng anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THADS huyện Lâm Hà;
- UBND xã Tân Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy